

Số: 01/2023/QĐST-KDTM

Cát Hải, ngày 02 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2023/TLST-KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2023,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng ACB (viết tắt là ACB); địa chỉ trụ sở chính: Số 442 Nguyễn T, Phường 5, Quận 3, Thành phố H; địa chỉ liên hệ: Tầng 6, số 10 P, phường P, quận H, thành phố H; người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thị Hồng T
- *Chuyên viên xử lý nợ*.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số 9 Núi Ngọc, tổ dân phố 17, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ gốc và lãi: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất được với nhau về tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 25/5/2023 theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số HAP.CN.254.021117 ngày 02/11/2017 và các hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số HAP.CN.818.011117 ngày 02/11/2017; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HAP.CN.818.011117/PL01 ngày 30/03/2020; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HAP.CN.818.011117/SĐ02 ngày 13/10/2020; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HAP.CN.818.011117/SĐ03 ngày 12/01/2021; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HAP.CN.818.011117/SĐ04 ngày 09/4/2021; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HAP.CN.818.011117/SĐ05 ngày 09/7/2021; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số

HAP.CN.818.011117/SĐ 06 ngày 12/01/2022. Tính đến ngày 25/5/2023, ông T và bà H còn nợ ACB số tiền là 4.277.679.440 (*Bốn tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi*) đồng, trong đó nợ gốc là 3.267.542.000 (*Ba tỷ hai trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn*) đồng; lãi trong hạn là 600.143.399 (*Sáu trăm triệu một trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm chín mươi chín*) đồng; lãi quá hạn là 401.606.047 (*Bốn trăm linh một triệu sáu trăm linh sáu nghìn không trăm bốn mươi bảy*) đồng; lãi phạt là 8.387.994 (*Tám triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi bốn*) đồng.

Hợp đồng cấp tín dụng số HAP.CN.259.140518 ngày 22/5/2018; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HAP.CN.259.140518/PL01 ngày 30/03/2020; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HAP.CN.259.140518/SĐ02 ngày 13/10/2020; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HAP.CN.259.140518/SĐ03 ngày 12/01/2021; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HAP.CN.259.140518/SĐ04 ngày 09/4/2021; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HAP.CN.259.140518/SĐ05 ngày 09/7/2021; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HAP.CN.259.140518/SĐ06 ngày 12/01/2022. Tính đến ngày 25/5/2023, ông T và bà H còn nợ ACB số tiền là 4.771.683.965 (*Bốn tỷ bảy trăm bảy mươi một triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi năm*) đồng, trong đó nợ gốc là 3.707.227.000 (*Ba tỷ bảy trăm linh bảy triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn*) đồng; lãi trong hạn là 647.974.109 (*Sáu trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn một trăm linh chín*) đồng; lãi quá hạn là 412.385.837 (*Bốn trăm mười hai triệu ba trăm tám mươi năm nghìn tám trăm ba mươi bảy*) đồng; lãi phạt là 4.097.019 (*Bốn triệu không trăm chín mươi bảy nghìn không trăm mười chín*) đồng.

Tính đến ngày 25/5/2023, theo các hợp đồng tín dụng trên, ông T và bà H còn nợ ACB tổng số tiền là 9.049.363.405 (*Chín tỷ không trăm bốn mươi chín triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm linh năm*) đồng.

2.2. Về tài sản thế chấp: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất đã ký kết với nhau Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số HAP.BĐCN.70.021117 ngày 02/11/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số HAP.BĐCN.70.021117/SĐBS-01 ngày 22/5/2018. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở gia đình 07 tầng, diện tích tầng một là 95m² tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 64, diện tích 95m², địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố 17, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 373656, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00463 do UBND huyện Cát Hải cấp ngày 06/9/2007 cho ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị H. Ngày 01/11/2017 cập nhật thay đổi chứng minh nhân dân, địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú ông T và bà H, cập nhật thay đổi tên bà Nguyễn Thị H thành Nguyễn Thị Hồng H, cập nhật thay đổi địa chỉ thửa đất.

2.3. Thời gian và phương thức thanh toán: Chậm nhất là vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng và chậm nhất đến ngày 30 tháng 7 năm 2023, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng nêu trên.

Kể từ ngày 26/5/2023, bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận như trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ số nợ cho nguyên đơn. Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn tiếp tục phải có trách nhiệm trả hết khoản nợ cho nguyên đơn.

2.4. Về án phí: Bị đơn nhận nộp toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 58.524.000 (*Năm mươi tám triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn*) đồng.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 58.180.000 (*Năm mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009882 ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

2.5. Bị đơn có trách nhiệm phải trả cho nguyên đơn số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 15.000.000 (*Mười lăm triệu*) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Lưu Văn Năm